

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN MUỜNG LÁT
TỈNH THANH HOÁ**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 38/2019/HS-ST
Ngày 15 - 10 -2019

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN MUỜNG LÁT - TỈNH THANH HOÁ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Nguyễn Tiến Dũng

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Trương Văn Bình

2. Bà Lò Thị Ly Sa

- Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên toà: Bà Lê Thị Hằng, Thư ký - Tòa án nhân dân huyện Muờng Lát, tỉnh Thanh Hóa.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Muờng Lát tham gia phiên toà: Ông Hà Văn Cảnh - Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 10 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Muờng Lát xét xử sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số 37/2019/TLST-HS ngày 23 tháng 9 năm 2019; Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số 39/2019/QĐXXST-HS ngày 02 tháng 10 năm 2019, đối với các bị cáo:

1. Họ và tên: **Triệu Văn S** - Sinh năm 1962;

Nơi sinh: Xã Pù Nhi, huyện Muờng Lát, tỉnh Thanh Hóa.

Nơi ĐKKHKT và nơi ở: Bản Pù Quăn, xã Pù Nhi, huyện Muờng Lát, tỉnh Thanh Hóa; Nghề nghiệp: Trồng trọt; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Dao; Trình độ học vấn: Không biết chữ; Con ông: Triệu Văn Ú, đã chết; Con bà: Tạng Thị D, đã chết; Vợ: Phan Thị C, sinh năm 1960; con 04 con, con lớn nhất sinh năm 1990, con nhỏ nhất sinh năm 2013.

Tiền án, Tiền sự: Không.

Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 03/7/2019 chuyển tạm giam ngày 09/7/2019 tại Trại tạm giam Công an tỉnh Thanh Hóa. Có mặt.

2. Họ và tên: **Phan Văn L** - Sinh năm 1967;

Nơi sinh: Xã Pù Nhi, huyện Muờng Lát, tỉnh Thanh Hóa.

Nơi ĐKKHKT và nơi ở: Bản Pù Quăn, xã Pù Nhi, huyện Muờng Lát, tỉnh Thanh Hóa; Nghề nghiệp: Trồng trọt; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Dao; Trình độ học vấn: Không biết chữ; Con ông: Phan Văn P, đã chết; Con bà: Tạng Thị L, đã chết; Vợ: Phan Thị D, đã chết; con 03 con, con lớn nhất sinh năm 1988, con nhỏ nhất sinh năm 1998.

Tiền án, Tiền sự: Không.

Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 03/7/2019 chuyển tạm giam ngày 09/7/2019 tại Trại tạm giam Công an tỉnh Thanh Hóa. Có mặt.

* *Người bào chữa cho các bị cáo:* Ông Nguyễn Ngọc Khang, Trợ giúp viên pháp lý, Chi nhánh trợ giúp pháp lý số 1, thuộc Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Thanh Hóa. Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 08^h ngày 03/7/2019, Triệu Văn S một mình điều khiển xe máy BKS 36B1-109.32 đi từ nhà xuống Trung tâm xã Pù Nhi để đổ xăng xe, khi đi S mang theo 100.000^d (Một trăm nghìn đồng). Khi Triệu Văn S đi đến khu vực bản Cá Nội, xã Pù Nhi thì bị ngã xe và bị đau chân nên S đã vào nhà anh Va Văn C để sửa xe máy và nghỉ ngơi. Khoảng 10^h cùng ngày, khi đã sửa xong xe và chân đỡ đau thì Triệu Văn S tiếp tục điều khiển xe máy đến cây xăng xã Pù Nhi và đổ xăng hết 30.000^d (Ba mươi nghìn đồng), rồi S vào Trạm y tế xã Pù Nhi, huyện Mường Lát mua thuốc đau chân hết 20.000^d (Hai mươi nghìn đồng) rồi S tiếp tục đi về bản Hạ Sơn, xã Pù Nhi thăm người thân.

Đến 16^h cùng ngày, S gặp Phan Văn L là người cùng bản với S đang đi bộ trên đường thuộc bản Hạ Sơn, xã Pù Nhi, vì chân S vẫn còn đau nên S đã nhờ Phan Văn L chở về nhà, khi 2 người đi đến Trung tâm xã Pù Nhi thì San nói là S có 50.000^d và rủ L đi xuống bản Cật, xã Nhi Sơn, huyện Mường Lát để mua ma túy đem về cùng sử dụng, L đồng ý và tiếp tục chở S đi. Khi đến bản Cật, xã Nhi Sơn, S xuống xe và đi bộ về phía một nhà người dân, S đã gặp một người đàn ông mà S không quen biết, S đưa cho người đàn ông này 50.000^d và người này đã đưa cho S 01 túi nilon màu xanh bên trong có 1,5 viên hồng phiến và 01 cục hêrôin, sau đó S cất số ma túy vừa mua được vào ống quần bên phải S đang mặc. Khi S xuống xe ở bản Cật, xã Nhi Sơn thì L đứng trông xe ngoài lề đường để chờ S, trong lúc đứng trông xe L đã gặp và xin của một người phụ nữ dân tộc Mông không quen biết được 01 gói giấy màu trắng, bên trong là lớp giấy bạc có chứa hêrôin, nhận được ma túy L giấu vào trong nắp bật lửa sau đó bỏ vào túi áo ngực bên trái đang mặc. Khoảng 10 phút sau, S quay lại chỗ L đang chờ và nói với L đã mua được ma túy, nhưng họ không cho sử dụng ở đây, đem ma túy về nhà cùng nhau sử dụng, khi S và L đi đến bản Cá Tóp, xã Pù Nhi thì lực lượng Công an huyện Mường Lát kiểm tra và bắt quả tang, thu giữ toàn bộ ma túy của S đã mua được và số ma túy của L đã xin được, đồng thời thu giữ 01 xe máy của S, 01 bật lửa của L.

Tại Bản kết luận giám định số: 1675/PC09 ngày 08/7/2019 của Phòng kỹ thuật hình sự - Công an tỉnh Thanh Hóa, kết luận:

- *Chất bột dạng nén của phong bì niêm phong ký hiệu M1 gửi giám định là ma túy, có khối lượng 0,525g (Không thấy năm hai năm gam), loại: Hêrôin.*

- 1,5 (Một phẩy năm) viên nén, hình tròn, màu hồng của phòng bì niêm phong gửi giám định là ma túy, có tổng khối lượng 0,128g (Không phẩy một hai tám gam) loại: Methamphetamine.

- 01 Cục bột dạng nén màu trắng của phòng bì niêm phong ký hiệu M2 gửi giám định là ma túy, có khối lượng 0,104g (Không một linh bốn gam) loại: hêrôin.

Cáo trạng số 38/CT-VKS-ML ngày 22/9/2019 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Mường Lát truy tố bị cáo Triệu Văn S và Phan Văn L về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” theo điểm i, khoản 1, điều 249 Bộ luật hình sự.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mường Lát tranh luận và luận tội: Trong quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa, các bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải và thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình. Vì vậy, đại diện Viện kiểm sát vẫn giữ nguyên quan điểm truy tố các Bị cáo theo toàn bộ nội dung bản Cáo trạng và đề nghị Hội đồng xét xử: Tuyên bố Bị cáo Triệu Văn S và Phan Văn L phạm tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”.

Áp dụng: Điều 38; điểm s khoản 1 điều 51; Điểm i khoản 1 điều 249 của Bộ luật Hình sự.

Xử phạt bị cáo Triệu Văn S từ **16** đến **20** tháng tù; Xử phạt bị cáo Phan Văn L từ **18** đến **22** tháng tù; Thời hạn chấp hành hình phạt tù của các bị cáo tính từ ngày tạm giữ. Không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với các bị cáo, vì các bị cáo đều thuộc diện hộ nghèo.

Áp dụng Điều 47 của Bộ luật Hình sự; Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự: Tịch thu tiêu hủy số ma túy đã thu giữ của các bị cáo còn lại sau giám định, đây là vật chứng vụ án, là chất Nhà nước cấm lưu hành. Trả lại cho bị cáo Triệu Văn S 01 chiếc xe máy; Tịch thu tiêu hủy 01 bật lửa ga màu xanh.

Miễn án phí hình sự sơ thẩm cho các bị cáo, vì các bị cáo là diện hộ nghèo.

Cả 02 Bị cáo xác nhận trong quá trình điều tra, truy tố, các bị cáo không bị Cơ quan tiến hành tố tụng sử dụng biện pháp ép cung, bức cung hay nhục hình và do bản thân không biết chữ, không được đi học nên hạn chế về khả năng hiểu biết pháp luật, các bị cáo biết sử dụng ma túy là vi phạm pháp luật, bị Nhà nước nghiêm cấm, nhưng do các bị cáo đều bị nghiện chất ma túy từ lâu (S đã nghiện 27 năm; L đã nghiện 04 năm) nên không làm chủ được bản thân, mới đi mua ma túy để sử dụng, ngoài ra không có mục đích nào khác. Các Bị cáo thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội như bản Cáo trạng đã nêu là đúng, không khai báo thêm tình tiết mới.

Người bào chữa cho các bị cáo đồng tình với quan điểm truy tố của VKS về tội danh, điều luật áp dụng. Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa các bị cáo đã thành khẩn khai báo, có thái độ ăn năn hối cải; Các bị cáo lại là người dân tộc thiểu số (Dao), từ nhỏ đã sống ở vùng có điều kiện kinh tế đặc biệt khó khăn, bản thân các bị cáo không được đi học nên không biết chữ, dẫn đến nhận thức về pháp luật còn hạn chế, gia đình các bị cáo thuộc diện hộ nghèo, hơn nữa do tập tục nơi vùng cao thường sử dụng chất ma túy để giảm đau và chữa một số bệnh khác, dẫn đến nghiện chất ma túy. Nên đề nghị HĐXX áp dụng điểm s khoản 1 điều 51 BLHS, xử phạt Triệu Văn S từ

14-16 tháng tù, xử phạt bị cáo Phan Văn L từ 16-18 tháng tù, để thể hiện sự khoan hồng của pháp luật, tạo điều cho các bị cáo yên tâm cải tạo, cai nghiện chất ma túy, sớm được trở về với gia đình, xã hội, trở thành công dân có ích và vẫn có tính phòng ngừa; không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền và miễn án phí hình sự sơ thẩm cho các bị cáo vì các bị cáo đều thuộc diện hộ nghèo của xã Pù Nhi.

Tại phiên tòa Các Bị cáo nhận tội, không có ý kiến tranh luận với đại diện VKS, đồng tình với lời bào chữa.

Lời nói sau cùng của các bị cáo:

- Triệu Văn S: Bị cáo đã biết việc làm của mình là sai, nhưng bị cáo đã nhiều tuổi, gia đình thuộc diện hộ nghèo, không có thu nhập, mong Hội đồng xét xử xem xét cho các bị cáo một mức án thấp nhất có thể để bị cáo sớm được về với gia đình, xã hội và sẽ trở thành người công dân tốt.

- Phan Văn L: Bị cáo đã biết việc làm của mình là sai, nhưng do bị cáo bị nghiện chất ma túy, không làm chủ được bản thân, gia đình thuộc diện hộ nghèo, mong Hội đồng xét xử xem xét cho bị cáo một mức án thấp nhất có thể để các bị cáo sớm được về với gia đình, xã hội và sẽ trở thành người công dân tốt.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tính hợp pháp của các hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố: Trong quá trình điều tra, truy tố, Điều tra viên đã thực hiện đúng nhiệm vụ, quyền hạn và trách nhiệm của mình theo quy định tại Điều 37 của Bộ luật Tố tụng Hình sự; Kiểm sát viên đã thực hiện đúng nhiệm vụ, quyền hạn và trách nhiệm của mình theo quy định tại Điều 42 của Bộ luật Tố tụng hình sự; các tài liệu, chứng cứ được thu thập theo đúng trình tự, thủ tục do Bộ luật Tố tụng hình sự quy định. Nên các hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố là hợp pháp, Hội đồng xét xử chấp nhận.

[2] Đánh giá chứng cứ; yêu cầu, đề nghị của Kiểm sát viên; đề nghị của người bào chữa; hành vi của bị cáo: Tại phiên tòa bị cáo đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình. Xét lời khai nhận tội của các bị cáo tại phiên tòa là phù hợp với các lời khai của các bị cáo tại biên bản bắt người phạm tội quả tang; biên bản lấy mẫu giám định; biên bản mở niêm phong xác định trọng lượng và trích mẫu giám định; biên bản niêm phong vật chứng; biên bản kết luận giám định; biên bản ghi lời khai, biên bản hỏi cung và các tài liệu, chứng cứ đã thu thập có trong hồ sơ vụ án và được Hội đồng xét xử thẩm tra công khai tại phiên tòa. Hội đồng xét xử có đủ cơ sở để kết luận: Khoảng 16^h ngày 03/7/2019, Triệu Văn S đã rủ Phan Văn L đi xuống bản Cật, xã Nhi Sơn để mua ma túy đem về cùng sử dụng, L đồng ý và 02 người cùng đi. Tại bản Cật thì Triệu Văn S đã mua của một người đàn ông không biết tên với số tiền là 50.000^d được 02 loại ma túy là hêrôin và methamphetamine; khi S đi mua ma túy thì L đứng chờ S và đã xin của một người phụ nữ dân tộc Mông được 01 gói nhỏ hêrôin. Khi S quay lại đã nói với L là đã mua được ma túy, đem về nhà cùng nhau sử dụng, L đồng ý và 02 người đi xe máy về nhà, khi S và L

đi đến bản Cá Tóp, xã Pù Nhi thì bị bắt quả tang, khi S đang cất giấu ma túy trong ống quần; L đang cất giấu ma túy trong nắp bật lửa bỏ trong túi áo ngực, cơ quan chức năng đã thu giữ toàn bộ tang vật là ma túy của các bị cáo. Các bị cáo thừa nhận đó là số ma túy vừa mua được và xin được tại bản Cật, xã Nhi Sơn.

Khối lượng các chất ma túy thu giữ trong người của bị cáo Triệu Văn S là 0,653g ma túy (gồm 0,525g hêrôin + 0,128g Methamphetamine); Phan Văn L tang trữ 0,104g hêrôin.

Hành vi “Tàng trữ trái phép chất ma túy” mục đích để sử dụng cho bản thân của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm đến chính sách quản lý của Nhà nước đối với các chất ma túy, làm ảnh hưởng đến tình hình an ninh, trật tự tại địa phương. Các Bị cáo có đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự và thực hiện hành vi phạm tội với lỗi cố ý trực tiếp. Do vậy, hành vi của các bị cáo cần phải xử lý nghiêm minh để răn đe và phòng ngừa chung.

Bị cáo Triệu Văn S đã tàng trữ tổng cộng 0,653g ma túy (gồm 0,525g hêrôin + 0,128g Methamphetamine); Bị cáo Phan Văn L ngoài phải chịu trách nhiệm hình sự đối với số ma túy Triệu Văn S đã tàng trữ, còn phải chịu thêm trách nhiệm hình sự với khối lượng ma túy bị cáo xin được là 0,104g hêrôin. Xét, các Bị cáo tàng trữ nhiều chất ma túy (Hêrôin, methamphetamine) để sử dụng cho bản thân, không có mục đích nào khác, đã đủ yếu tố cấu thành tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” theo quy định tại điểm i khoản 1 điều 249 Bộ luật hình sự. Do đó, quan điểm truy tố của vị đại diện Viện kiểm sát tại phiên toà đối với các bị cáo là hoàn toàn có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật, không oan sai.

Đối với đề nghị của Người bào chữa cho các bị cáo về hình phạt, thì HĐXX thấy đề nghị này không phù hợp với tính chất, hành vi phạm tội, khối lượng ma túy bị thu giữ, nên HĐXX không chấp nhận.

[3] Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Sau khi phạm tội và tại phiên tòa, các bị cáo “thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải” về hành vi phạm tội của mình, nên HĐXX cho các bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1 điều 51 BLHS. Ngoài ra, các bị cáo là người tộc thiểu số (Dao), từ nhỏ sống ở vùng có điều kiện kinh tế xã hội đặc biệt khó khăn, không biết chữ, nhận thức pháp luật còn hạn chế, đều là người nghiện chất ma túy, các tình tiết này, HĐXX sẽ cân nhắc khi quyết định hình phạt cho các bị cáo. Các Bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

Đây là vụ án đồng phạm, nhưng là đồng phạm giản đơn, các bị cáo không có sự bàn bạc hay phân công nhiệm vụ cụ thể, vì là những người nghiện chất ma túy với nhau nên các bị cáo buột phát phạm tội. Bị cáo Triệu Văn S là người khởi xướng và có tiền, có xe để đi mua ma túy; Bị cáo Phan Văn L là người bị rủ rê và là người chở S đi, L phải chịu trách nhiệm hình sự cùng với S về số ma túy S mua được, ngoài ra L còn tàng trữ thêm số ma túy mà S không biết. Vì vậy, để phù hợp với tính chất nguy hiểm của hành vi phạm tội của các bị cáo, cần phải áp dụng hình phạt tù, tương xứng với hành vi phạm tội của mỗi bị cáo đã gây ra, giáo dục các bị cáo thành người công dân có ích cho gia đình và xã hội. Theo quy định thì phải phân loại hình

phạt cho từng bị cáo, nhưng tại vụ án này HĐXX thấy nên lên cho các bị cáo một hình phạt bằng nhau là hợp lý.

[4] Về hình phạt chính và hình phạt bổ sung:

Xét tính chất, mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội, nhân thân người phạm tội, tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, xem xét thêm các tình tiết khác; thấy rằng đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa về mức hình phạt cho các bị cáo là phù hợp.

Ngoài hình phạt chính các bị cáo còn có thể bị áp dụng hình phạt bổ sung bằng hình thức phạt tiền, tịch thu một phần hoặc toàn bộ tài sản theo quy định tại khoản 5 điều 249 BLHS. Theo các tài liệu, chứng cứ và lời khai của bị cáo tại phiên tòa đều cho thấy các bị cáo làm nghề trồng trọt, đều là người nghiện chất ma túy, không có thu nhập thường xuyên, gia đình thuộc diện hộ nghèo. Do đó, Hội đồng xét xử không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

[5] Vật chứng trong vụ án:

Chất ma túy thu giữ của các bị cáo còn lại sau giám định là vật chứng của vụ án, là chất Nhà nước cấm lưu hành, tịch thu tiêu hủy; 01 bật lửa ga không có giá trị sử dụng, tịch thu tiêu hủy.

Trả lại cho bị cáo Triệu Văn S 01 xe máy, vì đây không phải là phương tiện, dụng cụ phạm tội.

[6] Về án phí, quyền kháng cáo và kháng nghị: Miễn án phí hình sự sơ thẩm cho bị cáo, vì các bị cáo đều thuộc diện hộ nghèo. Bị cáo có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án; Viện kiểm sát có quyền kháng nghị theo luật định.

[7] Các nhận định khác:

Đối với người đàn ông đã bán ma túy cho bị cáo Triệu Văn S. Cơ quan CSĐT Công an huyện Mường Lát đã xác minh nhưng không thể làm rõ, nên không thể xử lý ở vụ án này.

Đối với người phụ nữ đã cho bị cáo Phan Văn L ma túy. Cơ quan CSĐT Công an huyện Mường Lát đã xác minh nhưng không thể làm rõ, nên không thể xử lý ở vụ án này.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào:

Điều 260 Bộ luật tố tụng hình sự;

Điểm i, khoản 1 điều 249; Điều 17; Điều 38; Điểm s khoản 1 điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015.

Tuyên bố: Bị cáo **Triệu Văn S và Phan Văn L** phạm tội: “Tàng trữ trái phép chất ma túy”.

Hình phạt: Xử phạt Bị cáo **Triệu Văn S 20** (Hai mươi) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày tạm giữ (03/7/2019).

Xử phạt Bị cáo **Phan Văn L 20** (Hai mươi) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày tạm giữ (03/7/2019).

Không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

Vật chứng: Áp dụng điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự; Điều 47 Bộ luật hình sự.

Tịch thu tiêu hủy toàn bộ 01 phong bì niêm phong mẫu vật do phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Thanh Hóa phát hành, được dán kín, niêm phong bởi các chữ ký ghi rõ họ tên Nguyễn Trần Đăng, Lê Minh Tiến, Trần Thị Thúy Hằng, Phạm Văn Hiếu cùng các hình dấu của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Thanh Hóa. Phong bì niêm phong còn nguyên vẹn.

Tịch thu tiêu hủy 01 chiếc bật lửa ga màu xanh.

Trả lại cho bị cáo Triệu Văn S: 01 xe máy biển kiểm soát 36B1-109.32, nhãn hiệu HONDA Wave RSX màu đỏ đen, số khung: RLHIC4323BY079880, số máy: JC43E5990745, xe đã qua sử dụng.

Các vật chứng kể trên hiện đang lưu giữ, bảo quản tại kho tang vật của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Mường Lát, theo biên bản giao nhận vật chứng ngày 23/9/2019 giữa Công an huyện Mường Lát và Chi cục THADS huyện Mường Lát.

Về án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; điểm đ, khoản 1 điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội khóa 14, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên: Miễn tiền án phí Hình sự sơ thẩm cho các bị cáo.

Kháng cáo, kháng nghị: Căn cứ điều 331, điều 333 và điều 337 của Bộ luật tố tụng hình sự.

Án xử công khai; có mặt các bị cáo và người bào chữa cho các bị cáo. Các Bị cáo có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Viện kiểm sát có quyền kháng nghị theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- Phòng KTNV-THA, TAND T. Thanh Hóa;
- Sở Tư pháp tỉnh Thanh Hóa;
- VKS nhân dân huyện Mường Lát;
- VKS nhân dân tỉnh Thanh Hóa
- Cơ quan CSĐT- Công an H. Mường Lát;
- Chi cục THADS huyện Mường Lát;
- UBND xã Pù Nhi, H. Mường Lát;
- Trại tạm giam Công an T. Thanh Hóa;
- Các bị cáo;
- Người bào chữa cho các bị cáo;
- Hồ sơ Thi hành án Hình sự;
- Lưu Hồ sơ vụ án.

**T/M. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Tiến Dũng

